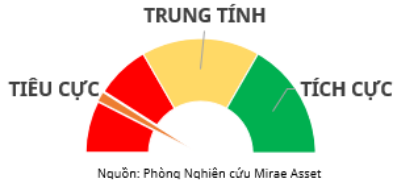


19 Tháng 04, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,048.98	-0.6	0.4	-25.4
HNX	205.85	-1.2	0.7	-47.6
UPCOM	78.11	-0.8	2.2	-27.9
MSCI EM	1,000.55	-0.3	5.1	-8.7
NIKKEI	28,606.76	-0.2	4.7	6.0
HANG SENG	20,367.76	-1.4	4.4	-3.1
KOSPI	2,575.08	0.2	7.5	-5.3
FTSE	7,878.07	-0.4	7.4	3.6
S&P 500	4,154.87	0.1	6.1	-6.9
NASDAQ	12,153.41	0.0	4.5	-10.8

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.9	1.7	13.7
Indonesia	15.7	1.9	12.0
Philippines	14.5	1.5	9.7
Malaysia	15.1	1.3	10.3
Thái Lan	19.5	1.6	8.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	-50	150
TPCP 5 năm	2.7	-10	-94	51
TPCP 10 năm	3.3	0	-62	27

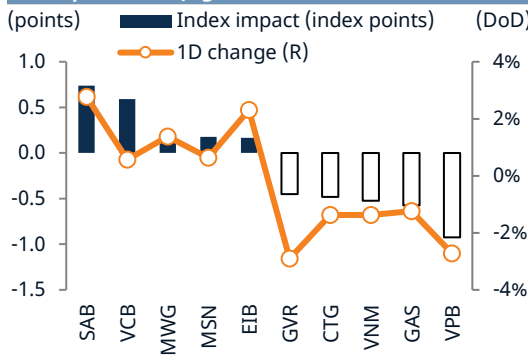
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,513	0.0	-0.3	2.6
US\$/KRW	1,325.8	0.5	1.1	6.9
US\$/JPY	134.8	0.5	2.6	4.6
US\$/EUR	0.91	0.3	-2.0	-1.4
US\$/GBP	0.80	0.0	-1.2	4.6
US\$/SGD	1.34	0.3	0.0	-2.3

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	359	424	408
HNX	46	51	43
UPCOM	13	17	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Lao dốc trong phiên chiều

Hưởng ứng tiếp đà tăng phiên trước, VN-index nhanh chóng khoác lên mình sắc xanh và duy trì phần lớn trong thời gian giao dịch ở phiên sáng. Thế nhưng, lực bán mạnh đã khiến cho chỉ số này nhanh chóng lao dốc trong phiên chiều và đóng cửa dưới ngưỡng 1,050 điểm. Cụ thể, VN-Index có mức giảm hơn 6 điểm, tương ứng 0,6%, dừng gần với mốc 1,049 điểm. Thanh khoản khớp lệnh không có quá nhiều sự thay đổi so với phiên trước đó khi ở mức 496 triệu đơn vị, tương ứng giá trị đạt hơn 8,609 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn VN30 có nhiều biến động trái chiều, có tới 25 mã giảm với VPB, GAS và VNM là những tác nhân đè nặng lên điểm số chung khi lần lượt giảm 2,7%; 1,2% và 1,4%. Ngược lại, SAB VCB và MWG đóng vai trò là trụ đỡ vững chắc và kéo lại phần nào điểm số khi đóng góp mức tăng lần lượt 2,8%; 0,6% và 1,4%. Bên cạnh đó, nhóm BĐS tiếp tục vẫn bị bán mạnh và chốt lời với nhiều mã giảm điểm như SZC, TIG, DXG, HDG, ... Trái chiều, nhóm bán lẻ đang thể hiện thu hút tốt dòng tiền khi có nhiều mã ghi nhận mức tăng tốt như DGW (+4,8%); PET (5,8%)...

Đáng lưu ý, diễn biến giao dịch nhà đầu tư nước ngoài bất ngờ chuyển sang bán ròng và đạt giá trị gần 459 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu chiều bán là MSB với tổng giá trị ở mức hơn 374 tỷ đồng và cách khá xa với vị trí thứ 2 là BMP với 43,6 tỷ. Ngược lại, HPG và VPB được mua ròng lần lượt 47 tỷ và 39 tỷ.

Mặc dù bị bán mạnh thế nhưng điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index vẫn ở mức -5 điểm và duy trì mức đánh giá trong ngắn hạn là TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,8x.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

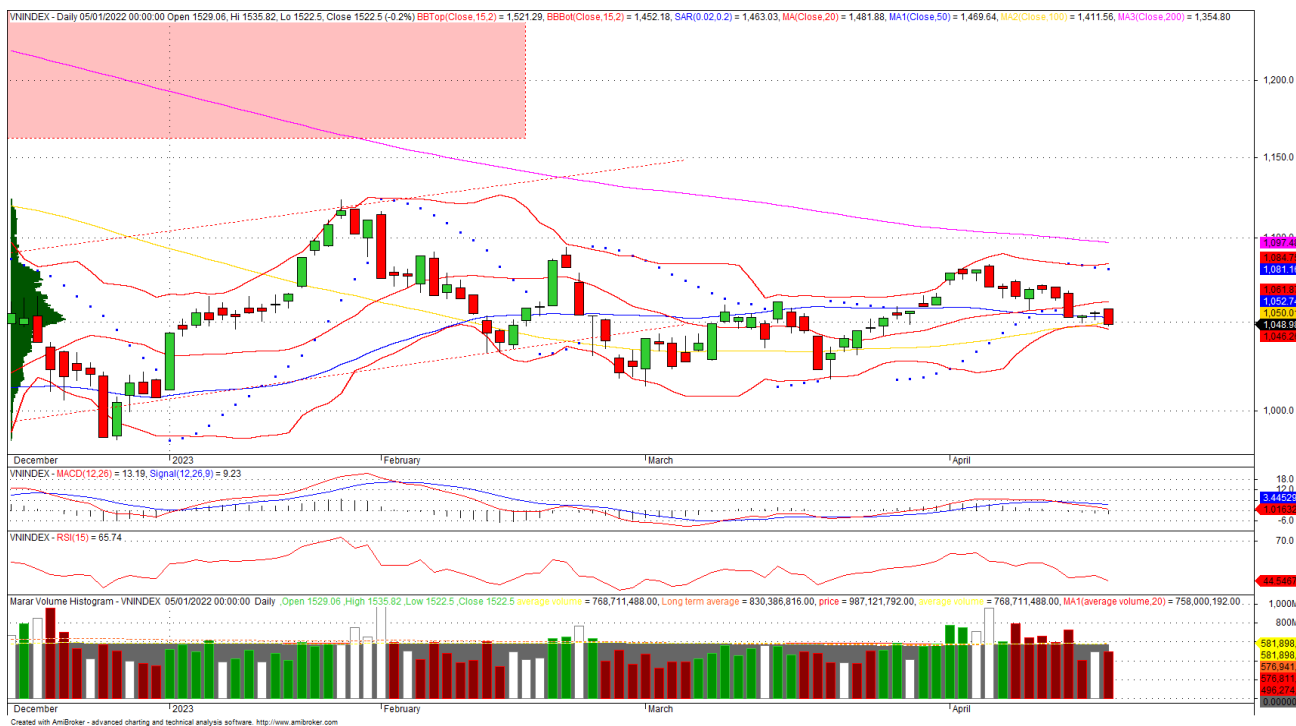
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (19/04/2023)	Kháng cự 1	1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.100
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.050
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.030

VN-Index hiện tại đang ở vùng hỗ trợ mạnh quanh tại 1,050

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

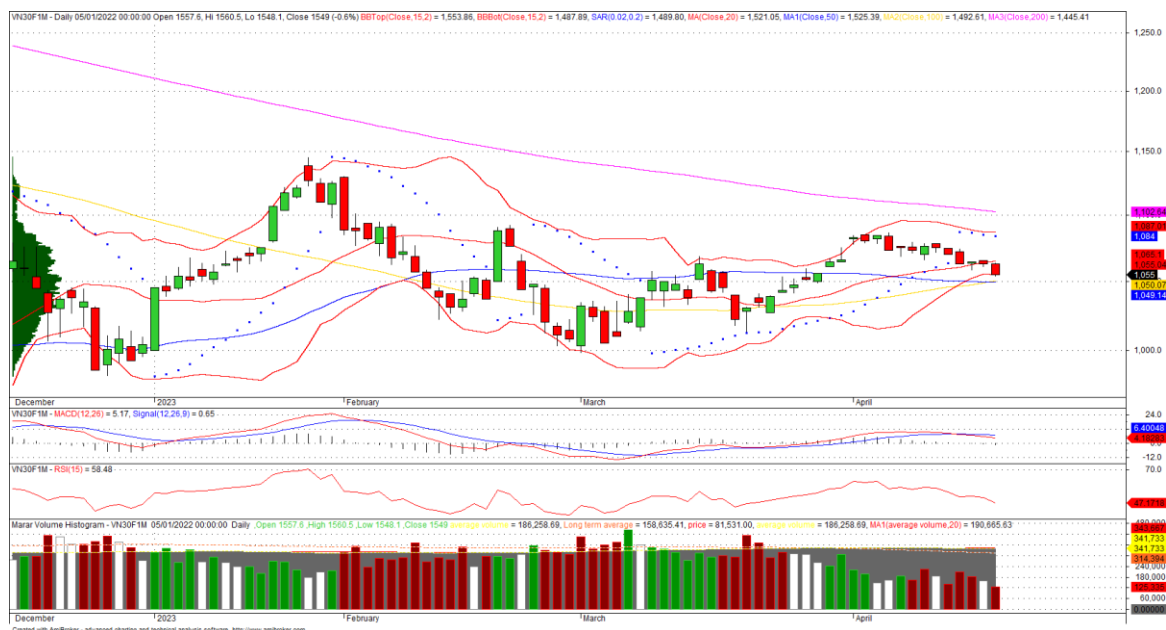
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (19/04/2023)	1.055	Kháng cự 1 1.100
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2 1.130
VN30 - đóng cửa	1.056	Hỗ trợ 1 1.050
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-1,14	Hỗ trợ 2 1.030

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M	-5	TIÊU CỰC

VN30F1M đang có xu hướng quay về kiểm định ngưỡng hỗ trợ tại 1,050

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
FMC	Thủy sản	42,900	58,725	100	4	
TV2	Điện	23,650	121,145	98	4	
LHG	Khu công nghiệp	25,000	80,635	95	7	
FTS	Chứng khoán	29,300	2,767,110	91	5	
PET	Bán lẻ	25,500	777,265	90	7	Top sức mạnh ngành
ANV	Thủy sản	34,000	1,503,225	86	6	
CTD	Xây dựng	53,000	665,820	82	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
CTD	53	665,820	7	KHẢ QUAN	3,915	188.6	0.5	35
ANV	34	1,503,225	6	KHẢ QUAN	4,526	6.4	1.5	51
PAN	18.25	1,733,490	6	KHẢ QUAN	3,812	10.2	0.8	32
CTF	37.5	719,040	6	KHẢ QUAN	2,851	25.8	3.2	27
DGW	35.7	2,345,770	5	KHẢ QUAN	5,965	8.4	2.4	84
FTS	29.3	2,767,110	5	KHẢ QUAN	5,715	17.5	1.7	81
FRT	67.5	1,126,545	5	KHẢ QUAN	8,009	20.5	4.0	76
BSI	29.9	1,537,025	5	KHẢ QUAN	5,600	41.9	1.3	46
HAG	8.15	9,987,225	4	KHẢ QUAN	7,558	6.7	1.5	81
DBC	15.7	4,460,330	4	KHẢ QUAN	3,799	716.6	0.8	70
IDI	11.85	3,889,265	4	KHẢ QUAN	2,698	5.0	0.8	46
PNJ	78	550,695	4	KHẢ QUAN	25,584	13.6	3.0	43
SBT	15.4	2,581,855	4	KHẢ QUAN	10,367	16.0	1.1	40
VHC	60	460,090	4	KHẢ QUAN	11,003	5.5	1.5	28
EIB	19.95	3,027,805	3	TRUNG TÍNH	29,433	10.0	1.4	60
NVL	14.55	27,987,020	2	TRUNG TÍNH	28,374	13.1	0.8	407
BSR	16.2	6,817,325	2	TRUNG TÍNH	50,228	3.4	1.0	110
MWG	40.5	2,625,320	2	TRUNG TÍNH	59,267	14.3	2.5	106
DGC	54	1,951,700	2	TRUNG TÍNH	20,508	3.9	2.0	105
ORS	12.2	3,214,185	2	TRUNG TÍNH	2,440	18.0	1.1	39
PVC	15.5	1,836,655	2	TRUNG TÍNH	775	88.1	1.1	28
PLC	33.8	738,430	2	TRUNG TÍNH	2,731	23.4	2.2	25
DIG	17	21,895,564	0	TRUNG TÍNH	10,367	71.9	1.4	372
PDR	13.7	7,977,925	0	TRUNG TÍNH	9,202	8.0	1.1	109
PVS	25.6	4,244,235	0	TRUNG TÍNH	12,236	13.8	1.0	109
POW	13.2	7,396,885	0	TRUNG TÍNH	30,913	15.0	1.0	98
MSN	78.7	1,195,625	0	TRUNG TÍNH	112,047	31.3	4.3	94

KDC	62.1	1,165,945	0	TRUNG TÍNH	15,974	42.0	2.3	72
MBS	16.4	4,113,270	0	TRUNG TÍNH	8,777	11.9	1.4	67
HQC	4.2	16,007,925	0	TRUNG TÍNH	2,002	106.4	0.5	67
IDJ	11.9	4,416,440	0	TRUNG TÍNH	2,065	13.7	1.1	53
VCB	88.5	586,030	0	TRUNG TÍNH	418,828	14.0	3.1	52
HAH	38.5	1,209,580	0	TRUNG TÍNH	2,708	3.8	1.2	47
CTS	17.2	2,544,030	0	TRUNG TÍNH	2,558	35.2	1.4	44
GMD	52.7	718,825	0	TRUNG TÍNH	15,883	17.4	2.3	38
APS	12.6	2,801,000	0	TRUNG TÍNH	1,046	#N/A N/A	1.1	35
HDG	31.3	1,010,920	0	TRUNG TÍNH	7,656	7.0	1.4	32
VND	14.9	24,751,016	-2	TRUNG TÍNH	18,146	14.9	1.3	369
HPG	20.8	17,205,356	-2	TRUNG TÍNH	120,948	14.3	1.3	358
SHS	10.1	25,486,620	-2	TRUNG TÍNH	8,213	41.8	0.9	257
CEO	23.4	9,458,865	-2	TRUNG TÍNH	6,022	21.6	1.8	221
HSG	15.3	13,637,735	-2	TRUNG TÍNH	9,150	#N/A N/A	0.9	209
VCI	31.45	6,609,070	-2	TRUNG TÍNH	13,696	15.7	2.1	208
VCG	19.7	10,008,880	-2	TRUNG TÍNH	9,572	8.1	1.4	197
HCM	25.6	6,830,350	-2	TRUNG TÍNH	11,705	13.7	1.5	175
NKG	14.65	9,478,420	-2	TRUNG TÍNH	3,857	#N/A N/A	0.7	139
LCG	12.3	9,257,675	-2	TRUNG TÍNH	2,333	12.4	0.9	114
IDC	38.3	2,506,645	-2	TRUNG TÍNH	12,639	7.5	2.6	96
HHV	12.9	7,152,695	-2	TRUNG TÍNH	3,971	13.1	0.6	92
PVD	20.6	3,652,985	-2	TRUNG TÍNH	11,451	#N/A N/A	0.8	75
NLG	29.65	2,455,070	-2	TRUNG TÍNH	11,388	23.3	1.3	73
VRE	28.3	2,444,625	-2	TRUNG TÍNH	64,307	23.2	1.9	69
KSB	25.7	2,639,110	-2	TRUNG TÍNH	1,961	15.0	1.0	68
SCR	7.08	7,518,760	-2	TRUNG TÍNH	2,801	55.8	0.6	53
BCG	7.69	6,114,430	-2	TRUNG TÍNH	4,102	9.9	0.6	47
KDH	28.45	1,532,590	-2	TRUNG TÍNH	20,394	19.7	1.8	44
HDC	32.55	1,309,885	-2	TRUNG TÍNH	3,518	8.7	1.9	43
PLX	36.4	1,044,120	-2	TRUNG TÍNH	46,250	31.4	1.9	38
TNG	17.6	1,709,515	-2	TRUNG TÍNH	1,850	6.2	1.1	30
FCN	11.55	2,500,740	-2	TRUNG TÍNH	1,818	45.9	0.7	29
VGC	34.8	820,620	-2	TRUNG TÍNH	15,603	9.0	2.0	29
SAB	170.4	151,795	-2	TRUNG TÍNH	109,274	21.4	4.7	26
DPG	29.2	817,075	-2	TRUNG TÍNH	1,840	4.8	1.1	24
STB	25.5	19,115,356	-3	TRUNG TÍNH	48,073	9.5	1.2	487
TPB	22.35	3,861,735	-3	TRUNG TÍNH	35,352	5.6	1.1	86
FPT	79.3	555,700	-3	TRUNG TÍNH	86,994	16.4	4.1	44
TCM	50	528,730	-3	TRUNG TÍNH	4,097	17.3	2.1	26
SSI	21.3	22,003,910	-4	TIÊU CỰC	31,932	14.6	1.4	469
SHB	11.35	33,393,900	-4	TIÊU CỰC	34,809	4.5	0.8	379
DXG	12.7	18,100,260	-4	TIÊU CỰC	7,747	34.6	0.8	230
TCB	29	5,177,610	-4	TIÊU CỰC	102,000	5.1	0.9	150
GEX	12.8	9,723,565	-4	TIÊU CỰC	10,899	29.6	0.9	124
VIX	7.63	12,715,205	-4	TIÊU CỰC	4,442	69.8	0.6	97
VHM	50.4	1,758,115	-4	TIÊU CỰC	219,460	7.6	1.5	89
VNM	72	1,064,285	-4	TIÊU CỰC	150,477	19.8	5.0	77

IJC	13.3	3,773,505	-4	TIÊU CỰC	3,349	6.9	0.9	50
SZC	30.95	1,330,135	-4	TIÊU CỰC	3,095	17.7	2.0	41
PC1	28	1,445,890	-4	TIÊU CỰC	7,572	16.5	1.5	40
BID	44.4	819,135	-4	TIÊU CỰC	224,598	12.4	2.3	36
HUT	15.8	2,115,000	-4	TIÊU CỰC	5,508	38.1	1.4	33
LDG	4.15	6,006,835	-4	TIÊU CỰC	1,063	279.5	0.3	25
VPB	19.7	16,183,810	-5	TIÊU CỰC	132,250	7.2	1.4	319
MBB	18.1	9,492,405	-5	TIÊU CỰC	82,065	4.7	1.1	172
KBC	24.3	6,281,530	-5	TIÊU CỰC	18,653	12.2	1.2	153
LPB	13.7	9,508,045	-5	TIÊU CỰC	23,689	4.7	1.0	130
ACB	24.4	4,748,890	-5	TIÊU CỰC	82,409	6.0	1.4	116
VIB	20.45	4,794,315	-5	TIÊU CỰC	43,102	5.1	1.3	98
CII	14.55	5,291,130	-5	TIÊU CỰC	3,670	4.8	0.7	77
CTG	28.75	1,855,080	-5	TIÊU CỰC	137,925	8.2	1.3	53
HDB	19.05	2,771,370	-5	TIÊU CỰC	47,916	6.2	1.3	53
PVT	20.3	2,404,115	-5	TIÊU CỰC	6,570	7.7	1.1	49
TCH	7.32	6,033,645	-5	TIÊU CỰC	4,891	27.4	0.6	44
GVR	15.05	2,768,695	-5	TIÊU CỰC	60,200	15.7	1.2	42
VPI	54.5	574,985	-5	TIÊU CỰC	13,189	23.9	3.8	31
ASM	8.3	3,056,795	-5	TIÊU CỰC	2,793	4.4	0.6	25
GAS	95.6	252,835	-5	TIÊU CỰC	182,974	12.5	3.1	24
DCM	24.35	2,913,215	-6	TIÊU CỰC	12,891	3.2	1.2	71
DPM	34.15	1,916,345	-6	TIÊU CỰC	13,423	2.4	1.0	65

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

GDP quý I/2023 của Trung Quốc đạt 4,5%, vượt dự báo

Theo dữ liệu của Tổng Cục Thống kê Trung Quốc, GDP trong quý I/2023 tăng trưởng 4,5%, so với mức tăng 2,2% trong quý IV/2022. Ngoài ra, một loạt số liệu kinh tế khác cũng gây nhiều sự chú ý. Trong đó, doanh số bán lẻ của nước này tăng vọt 10,6% trong tháng 3, mức cao nhất từ tháng 6/2021 và vượt xa mức dự báo là 7,4%, đóng góp phần lớn là do thị trường mua bán hàng trực tuyến sôi động. Tính chung trong quý I, doanh số bán lẻ tăng 5,8%. Đầu tư vào tài sản cố định trong ba tháng đầu năm tăng 5,1% so với cùng kỳ năm ngoái, yếu hơn so với mức dự báo 5,7%. Tỷ lệ thất nghiệp tính đến cuối tháng 3 giảm xuống 5,3%, thấp hơn 0,2% so với dự báo. Tuy nhiên, nó vẫn cao hơn mức trung bình trước đại dịch COVID-19 là 5%. Trong khi đó, sản lượng công nghiệp tháng 3 lại không được như kỳ vọng, khi chỉ tăng 3,9%, thấp hơn đôi chút so với dự đoán của giới chuyên gia là 4%. Sản lượng công nghiệp 2 tháng đầu năm tăng 2,4% (Trung Quốc thường kết hợp dữ liệu kinh tế cho tháng 1 và tháng 2 để tính đến tác động của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán). Ông Fu Linghui, người phát ngôn của Tổng Cục Thống kê Trung Quốc nhận định, nền tảng cho đà phục hồi kinh tế hiện nay chưa bền vững do tình hình quốc tế phức tạp và nhu cầu trong nước chưa đủ lớn để có thể hỗ trợ mạnh mẽ cho kinh tế nước này. Nói về tương lai, ông Fu Linghui cho biết, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới vẫn phải đối mặt với những rủi ro về nhu cầu của thị trường nước ngoài.

Xuất siêu đạt hơn 4 tỷ USD

Ngày 18/4/2023, tại trụ sở Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã chủ trì Hội nghị trực tuyến khối Công Thương địa phương về các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và xuất, nhập khẩu năm 2023. Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu của các địa phương, trong Quý I/2023 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đóng góp vào phát triển chung của Ngành Công Thương. Theo đó, trong bối cảnh lạm phát gia tăng, đạt kỷ lục tại nhiều quốc gia đe dọa suy thoái kinh tế toàn cầu; tác động tiêu cực từ cuộc chiến Nga - Ucraina; tình trạng đứt gãy nhiều chuỗi cung ứng đang trở nên nghiêm trọng hơn ở nhiều quốc gia thì kinh tế Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng dương là một nỗ lực lớn. Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa tuy có giảm so với cùng kỳ năm trước nhưng cán cân thương mại hàng hóa quý I năm 2023 vẫn duy trì xuất siêu 4,07 tỷ USD, cao gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng tiêu dùng trong nước khá ổn định, hàng hóa dồi dào, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, đặc biệt, một số vật tư hàng hóa chiến lược (xăng dầu, điện, than) được đáp ứng đầy đủ. Chỉ số phát triển công nghiệp, thương mại nhiều địa phương vẫn có mức tăng trưởng cao, có 48/63 địa phương đạt mức tăng trưởng dương trong quý I/2023; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước.

DBD: tăng trưởng mạnh mẽ, mục tiêu doanh thu 3.000 tỷ đồng năm 2026

CTCP Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar – mã chứng khoán DBD) hiện đứng Top 5 doanh nghiệp Dược uy tín hàng đầu Việt Nam. Hơn 300 sản phẩm của Bidiphar đã có mặt tại 99% bệnh viện trong nước và hơn 20.000 nhà thuốc trên toàn

quốc. Hiện Bidiphar đã xuất khẩu hơn 70 sản phẩm sang hơn 10 nước trên thế giới. Doanh thu công ty 10 năm liên tiếp được duy trì và có sự tăng trưởng trên ngàn tỷ đồng với cơ cấu sản phẩm đóng góp đa dạng, được chia ra làm những nhóm chính như (1) thuốc kháng sinh, (2) thuốc điều trị ung thư, (3) dung dịch lọc máu, (4) thuốc tiêu hóa + thần kinh + nội tiết tố, (5) vitamin + thuốc hạ sốt, (5) thực phẩm chức năng + đông dược và (6) các loại thuốc khác. Trên thị trường chứng khoán, DBD là doanh nghiệp được duy nhất sản xuất thuốc ung thư, cũng là 1 trong 3 nhóm sản phẩm chủ lực tạo nên tên tuổi và lợi thế cạnh tranh cho công ty, bên cạnh 2 nhóm khác là thuốc kháng sinh và dung dịch thẩm phân. Công ty có khá nhiều thành tựu trong các nhóm sản phẩm này, như trở thành công ty đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu và sản xuất thành công thuốc kháng sinh dạng tiêm (1992), phương pháp đông khô thuốc (2003), thuốc điều trị ung thư dạng tiêm (2008) hay là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam sản xuất thuốc đặc trị ung thư (2010). Ở nhóm thuốc điều trị ung thư, công ty cũng có số lượng hoạt chất điều trị ung thư trúng thầu nhiều nhất trong bệnh viện, với tổng số 14 hoạt chất liên quan, so với mức trung bình chỉ từ 3 - 4 hoạt chất ung thư/doanh nghiệp sản xuất. Doanh thu thuốc điều trị ung thư chiếm 20,26% doanh thu hàng sản xuất của DBD.

SBT: Hoàn thành 72% kế hoạch doanh thu cả năm chỉ trong 6 tháng đầu niên độ

Theo Báo cáo tài chính vừa công bố, kết thúc quý II niên độ 2022-2023, TTC AgriS đã tiêu thụ hơn 683 ngàn tấn đường, doanh thu thuần lũy kế đạt 12.281 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ, hoàn thành 72% kế hoạch năm. Sản lượng tiêu thụ của các kênh bán hàng ghi nhận tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ, trong đó, kênh xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc khi sản lượng bán hàng tăng hơn 70%, kênh công nghiệp B2B tăng 26% so với cùng kỳ. Đây là một dấu hiệu khởi sắc cho thấy nhu cầu tiêu thụ đường được cải thiện đáng kể trong giai đoạn phục hồi kinh tế. Lợi nhuận trước thuế trong 6 tháng đầu niên độ đạt hơn 432 tỷ đồng, hoàn thành 51% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 384 tỷ đồng. Kết thúc quý II, đường đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu doanh thu khi các dòng sản phẩm đường ghi nhận 11.400 tỷ đồng, chiếm gần 93% doanh thu, tăng hơn 28,5% so với cùng kỳ. Bên cạnh sản phẩm đường, doanh thu phân bón ghi nhận gần 123 tỷ đồng, chiếm 1%, tăng 150% so với cùng kỳ; doanh thu mật rỉ ghi nhận 113 tỷ đồng, chiếm 0,9% tăng hơn 14% so với cùng kỳ và doanh thu điện ghi nhận 62 tỷ đồng, chiếm 0,5%, tăng hơn 19% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu khác cũng là một điểm nhấn ghi nhận gần 584 tỷ đồng, chiếm 4,8% doanh thu, tăng 154% so với cùng kỳ, doanh thu này đến từ hoạt động bán máy móc cơ giới và các sản phẩm nông nghiệp khác như: dừa, chuối, gạo, cao su..., sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu này đã chứng minh cho việc TTC AgriS đang đi đúng lộ trình hướng tới chuỗi giá trị nông nghiệp toàn diện, trở thành công ty nông nghiệp hàng đầu khu vực, vận hành và phát triển hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ liên mạch, tối đa hóa lợi nhuận.

FMC: chi hơn 130 tỷ đồng trả cổ tức năm 2022

Như vậy, với gần 65,4 triệu cổ phiếu đang niêm yết và lưu hành, Thực phẩm Sao Ta sẽ phải chi khoảng 130,8 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 26/5/2023. Mới đây, Công ty đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2023 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 5.900 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 400 tỷ

đồng, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ 370 tỷ đồng và tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu 20%. Chia sẻ thêm về tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2023 tại Đại hội, lãnh đạo Thực phẩm Sao Ta cho biết, lợi nhuận ước đạt trên 50 tỷ đồng. Về xuất khẩu, Nhật vẫn chiếm trọng điểm với thị phần hơn 40%. Trước đó, Công ty đã công bố tình hình kinh doanh tháng 2/2023 với doanh số 13,4 triệu USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ. Trong đó, nguyên nhân doanh số tăng do thời gian nghỉ Tết nguyên đán năm trước rơi vào tháng 2. Công ty cho biết, trong tháng 2/2022, sản lượng tôm thành phẩm đạt 1.015 tấn, giảm 22% so với cùng kỳ; sản xuất nông sản thành phẩm 205 tấn, tăng 38% so với cùng kỳ; sản lượng tiêu thụ tôm thành phẩm đạt 1.081 tấn, tăng gần 15% so với cùng kỳ; sản lượng tiêu thụ nông sản thành phẩm đạt 111 tấn, giảm 3% so với cùng kỳ.

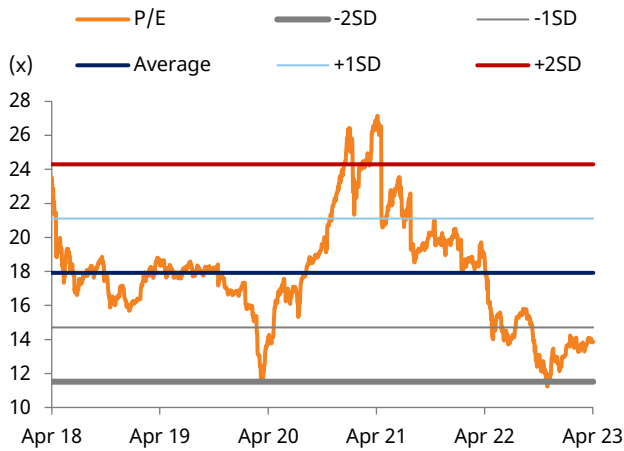
LCG: dự kiến giảm 22,7%, về 150 tỷ đồng

Lizen vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đại hội dự kiến tổ chức ngày 22/4 tại TP. HCM. Trong năm 2023, Lizen đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 2.850 tỷ đồng, tăng 183,3% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế dự kiến 150 tỷ đồng, giảm 22,7% so với thực hiện trong năm 2022. Được biết, trong năm 2022, Lizen đặt kế hoạch kinh doanh với doanh thu 2.005 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 250 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết thúc năm tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu 1.006 tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ghi nhận 194 tỷ đồng, hoàn thành 78% kế hoạch lợi nhuận năm. Trước đó, trong năm 2021, Công ty cũng đặt kế hoạch tham vọng với doanh thu 3.600 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 300 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết thúc năm tài chính, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu 1.803 tỷ đồng, hoàn thành 50% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận ghi nhận 181 tỷ đồng, hoàn thành 60% kế hoạch lợi nhuận năm. Có thể thấy, theo dữ liệu lịch sử, Lizen là một Công ty luôn đặt kế hoạch kinh doanh tham vọng và hoàn thành tỷ lệ thấp so với kế hoạch đề ra. Về định hướng kinh doanh, trong năm 2023, đối với lĩnh vực xây lắp, Công ty dự kiến doanh thu chuyển tiếp từ năm 2022 sang là 337 tỷ đồng; doanh thu từ các hợp đồng dự án dự kiến ký kết thực hiện, đang trong quá trình đấu thầu và chào thầu là 2.050 tỷ đồng (Công ty trúng thầu hai dự án đầu tư công lớn là cao tốc Vũng Áng – Bùng và cao tốc Vân Phong – Nha Trang với doanh thu dự kiến ghi nhận năm 2023 là 1.200 tỷ đồng).

Bản tin thị trường

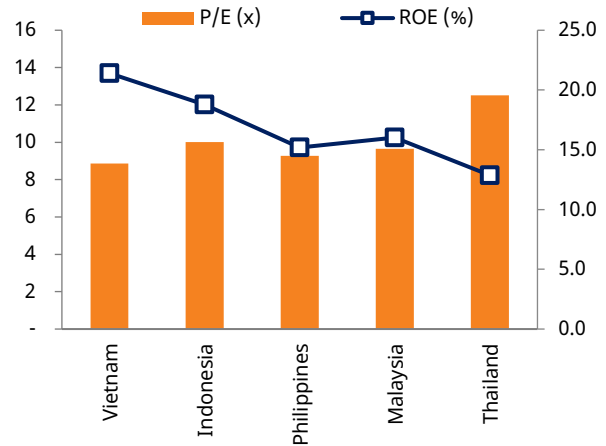
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



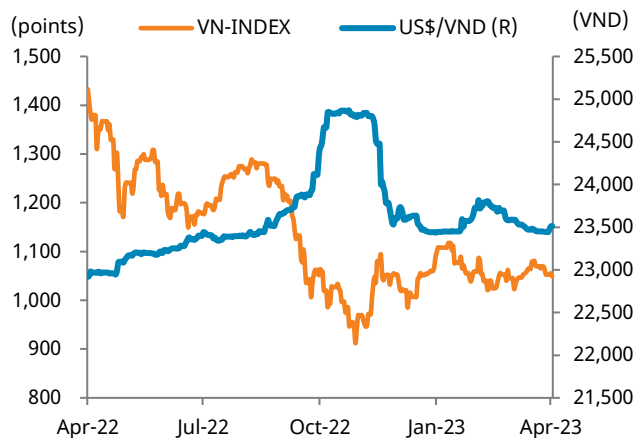
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



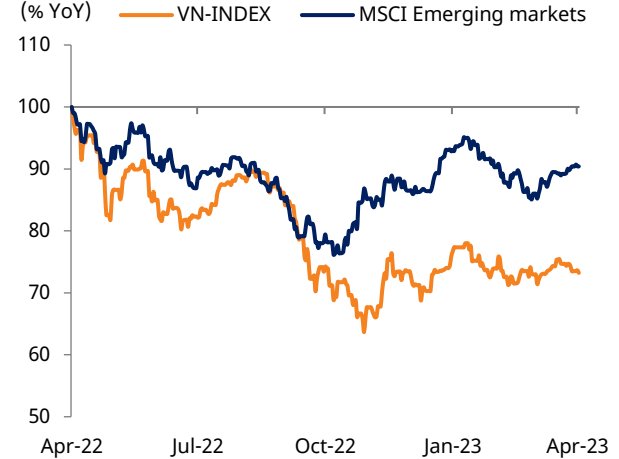
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



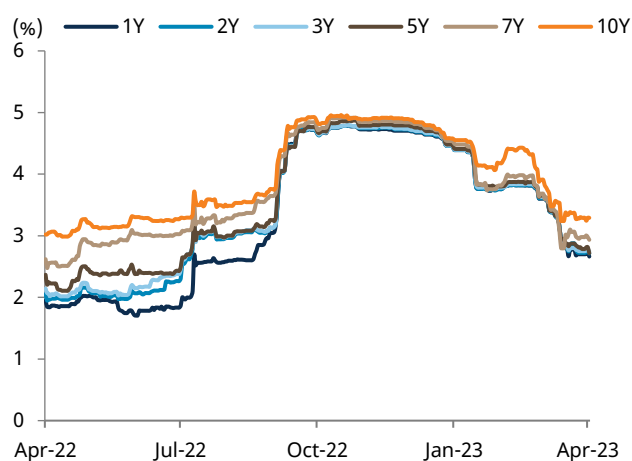
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



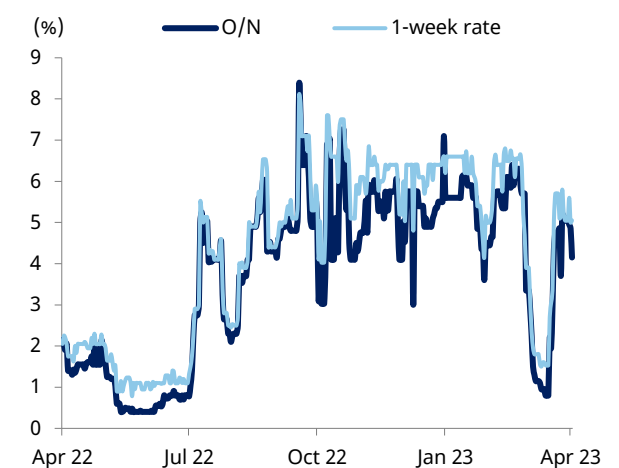
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
s		4,209,157	1,048.98	1,442.04	873.78	-0.6	-1.9	0.4	-25.4	13.9	1.7	13.7		
VN30 Index		3,055,644	1,056.14	1,478.50	863.31	-0.8	-2.3	0.8	-26.7	11.0	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	82,409	24,400	26,500	17,450	-1.4	-1.8	0.2	-3.6	6.0	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	224,598	44,400	48,000	28,000	-0.4	0.0	-4.1	17.0	12.4	2.3	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	137,925	28,700	31,250	19,500	-1.4	-2.7	-1.0	-0.2	8.2	1.3	16.7	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	47,916	19,050	21,800	13,050	-1.6	-3.1	3.0	-8.1	6.2	1.3	23.5	19.5	0.7
MBBank	MBB VN	82,065	18,100	25,708	13,200	-0.3	-3.2	3.7	-25.9	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	48,073	25,500	29,400	14,050	-1.5	-2.3	1.8	-7.3	9.5	1.2	13.8	26.1	3.9
Techcombank	TCB VN	102,000	29,000	45,450	19,300	-0.5	-5.5	8.8	-33.6	5.1	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	35,352	22,350	38,100	18,300	-2.0	-3.2	-11.7	-38.3	5.6	1.1	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	418,828	88,500	96,300	62,000	0.6	0.2	-0.6	13.9	14.0	3.1	24.4	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	43,102	20,450	32,222	16,200	-1.0	-4.0	-2.4	-35.0	5.1	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	132,250	19,700	24,967	13,650	-2.7	-4.6	0.0	-17.5	7.2	1.4	20.7	17.5	0.2
SSI Securities Corp	SSI VN	31,932	21,300	36,092	13,050	-2.1	-3.2	4.9	-35.3	14.6	1.4	9.3	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	34,258	46,150	70,000	41,200	-1.8	-4.8	-7.7	-29.8	22.1	1.7	7.5	27.4	21.6
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	81,972	79,200	101,800	58,200	-0.4	-1.0	-3.9	-0.9	58.4	4.8	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	28,374	14,550	86,800	10,050	-2.0	-3.3	26.5	-82.3	13.1	0.8	6.0	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,202	13,700	66,200	9,940	-1.4	-3.2	12.3	-78.2	8.0	1.1	15.0	2.8	46.2
Vinhomes JSC	VHM VN	219,460	50,400	71,200	39,400	-0.8	-2.3	16.3	-26.9	7.6	1.5	21.4	24.3	25.7
Vingroup JSC	VIC VN	200,613	52,600	80,500	49,700	-0.4	-0.9	-1.1	-33.2	22.2	1.8	8.4	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	64,307	28,300	31,850	21,400	-0.7	-1.4	-4.1	-8.3	23.2	1.9	8.7	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	59,267	40,500	80,550	35,250	1.4	-0.6	2.8	-48.1	14.3	2.5	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	112,047	78,700	125,500	69,100	0.6	-1.0	-5.7	-34.7	31.3	4.3	12.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	109,274	170,400	203,000	149,000	2.8	-0.4	-11.3	0.9	21.4	4.7	23.6	62.5	37.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	150,477	72,000	85,600	64,500	-1.4	-3.1	-3.4	-5.3	19.8	5.0	24.1	55.6	44.4
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,250	36,400	54,000	22,950	-1.1	-1.6	2.8	-28.6	31.4	1.9	5.8	17.8	2.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	60,200	15,050	37,000	9,300	-2.9	-8.0	1.0	-57.0	15.7	1.2	7.9	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	120,948	20,800	33,923	11,800	-0.7	0.2	2.0	-37.6	14.3	1.3	9.1	23.5	25.5
FPT Corp	FPT VN	86,994	79,300	98,000	61,300	-0.1	-1.2	0.4	-15.0	16.4	4.1	27.2	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	54,215	100,100	144,300	94,000	1.1	0.4	-8.1	-30.0	N/A	3.6	-14.3	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	182,974	95,600	134,000	92,600	-1.2	-4.2	-7.8	-16.1	12.5	3.1	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	30,913	13,200	16,400	8,910	-2.2	-3.3	-1.5	-2.2	15.0	1.0	7.0	7.7	41.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.